

Số: 670 /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày 02 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng, Cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai và kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định theo Biên bản họp ngày 01/12/2023;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Triều Dương tại Văn bản số 105/ĐN-TRD ngày 23/10/2023; Văn bản số 07/CV-TrD ngày 12/3/2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng và hồ sơ kèm theo nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 98/TTr-STNMT ngày 19/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Triều Dương có trụ sở tại tổ 4, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng, cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 3-C, C-4 và một phần lô A-1, A-2 thuộc Cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5300679871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/03/2022.

1.4. Mã số thuế: 5300679871.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến nông, lâm sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*). Đối chiếu tiêu chí quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án thuộc Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

1.6.2. Công suất: 120 tấn tinh dầu quế thô/năm và 210 tấn benzaldehyde tự nhiên/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Triều Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Triều Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải, khí thải theo quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Bảo Yên và các Sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND huyện Bảo Yên tổ chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm; việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng, cụm tiêu thụ công nghiệp Phố Ràng, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

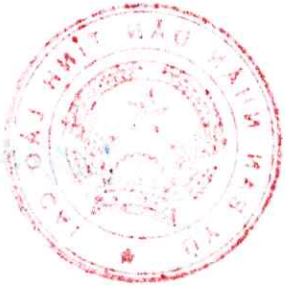
- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- UBND huyện Bảo Yên;
- Công ty TNHH MTV Triều Dương (03 bản);
- CVP, PCVP2;
- Công TTĐT tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, TNMT2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date, located in the upper right quadrant of the page.



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 670 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà văn phòng.
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình thủy phân tinh dầu quế.
- 1.3. Nguồn số 03: Nước làm mát từ quá trình trao đổi nhiệt của các dây chuyền chiết xuất tinh dầu quế thô và dây chuyền chế biến sâu. Nguồn phát sinh này được tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của Cụm tiểu thủ công nghiệp phố Ràng tại tổ 9, thị trấn phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, sau đó chảy ra sông Chảy, huyện Bảo Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

2.2.1. *Dòng thải số 1 (tương ứng với nguồn thải số 1):* Dòng nước thải sau hệ thống bể tự hoại xả ra hệ thống thoát nước Cụm tiểu thủ công nghiệp phố Ràng tại tổ 9 thị trấn phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3): X= 2458455; Y= 0473268.

2.2.2. *Dòng thải số 2 (tương ứng với nguồn thải số 2):* Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất xả ra hệ thống thoát nước Cụm tiểu thủ công nghiệp phố Ràng tại tổ 9 thị trấn phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3): X= 2458592; Y= 0473194.

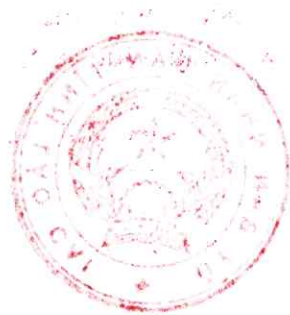
2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7 m³/ngày.đêm. Trong đó:

- Nguồn số 01: Lưu lượng nước xả thải tối đa là 2 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải tối đa là 5 m³/ngày.đêm.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, cụ thể:



- Dòng nước thải số 01 đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép cột B (QCVN 14:2008/BTNMT)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5000

+ Tần suất quan trắc định kỳ/Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dòng nước thải số 02 đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép cột B (QCVN 40:2011/BTNMT)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	100
3	Độ màu	Pt/Co	150
4	BOD ₅	mg/l	50
5	COD	mg/l	150

+ Tần suất quan trắc định kỳ/Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước mưa chảy tràn khu vực mặt trước nhà máy được thu vào hệ thống rãnh thu bằng bê tông với chiều dài khoảng 338m, kích thước 40cm×40cm; bố trí 01 hố ga tại khu vực sát tường rào (kích thước 600mm×600 mm), nước sau đó



thoát ra hệ thống thoát nước mặt của Cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng qua công thoát nước BICVD200 đúc sẵn, dạng cống tròn. Nước mưa chảy tràn ở phía mặt sau của nhà máy và hai bên sườn thu gom vào các rãnh đất tự nhiên sát công trình, sau đó thoát ra sông Cháy.

- Nước thải từ bể xi, chậu tiêu được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính 90 - 110mm, dẫn về 02 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý. Nước sau xử lý theo đường ống uPVC đường kính 110mm, tổng chiều dài 35m chảy ra cống thu gom nước của Cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng.

- Nước thải từ quá trình thủy phân tinh dầu quế được thu vào hệ thống rãnh bê tông kín rộng 20cm, sâu 10cm, tổng chiều dài khoảng 28m dẫn về bể gom của hệ thống xử lý nước thải, nước sau xử lý chảy ra hệ thống thoát nước Cụm tiểu thủ công nghiệp phố Ràng.

- Nước sau hệ thống làm mát của các dây chuyền chiết xuất tinh dầu thô được thu vào rãnh bê tông hở rộng 20cm, sâu 20cm, tổng chiều dài 20m, chảy ra 01 hệ thống giải nhiệt (01 bể kích thước 30m×15m×6m, tổng dung tích chứa 2.000m³; 01 hệ thống giàn phun mưa công suất 50m³/h) trước khi được tuần hoàn lại quá trình làm mát.

- Nước sau hệ thống làm mát của dây chuyền chế biến sâu được thu vào rãnh bê tông hở rộng 20cm, sâu 10cm, dài 20m, chảy ra 01 hệ thống giải nhiệt (bao gồm 02 bể, mỗi bể kích thước 15m×24m×2m, tổng dung tích 1.500m³; 01 hệ thống giàn phun mưa công suất 50m³/h) trước khi được tuần hoàn lại quá trình làm mát.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. *Bể tự hoại:* Gồm 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 10 m³ (Khu nhà văn phòng cũ và khu nhà văn phòng mới mỗi khu 01 bể dung tích 5m³), bao gồm 01 ngăn chứa và 02 ngăn lắng, thực hiện quá trình lắng cặn và lên men, phân huỷ sinh học kỵ khí cặn lắng.

- Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Ngăn chứa 1 (*điều hoà, lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 2 (*lắng, phân huỷ sinh học*) → Ngăn 3 (*lắng, chứa*) → Hệ thống thoát nước của CTTCN Phố Ràng.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học Bio - Phôt: 7,2 kg/năm.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải từ quá trình thủy phân → Hệ thống thu gom nước thải sản xuất → Bể gom → Cụm bể phản ứng hóa lý 1 → Bể lắng hóa lý → Cụm bể kỵ khí vách ngăn → Bể điều hoà → Bể MBBR → Bể lọc giá thể → Bể trung gian → Cụm bể phản ứng hóa lý 2 → Bể lắng hóa lý → Bể trung gian và khử trùng → Hệ thống thoát nước của Cụm tiểu thủ công nghiệp phố Ràng.

- Hóa chất sử dụng: H₂SO₄ 4-5 kg/m³; PAC: 1,2 kg/m³.

- Quy trình xử lý nước làm mát:

Nước sau quá trình làm mát → Hệ thống giải nhiệt → Mương dẫn hở → Bể nước tuần hoàn → Tuần hoàn lại sản xuất.



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ đầu tư tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phố Ràng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành theo dõi quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất với đầy đủ các thông tin cần theo dõi, giám sát như: người vận hành, thời gian, lưu lượng, thông số quan trắc, hóa chất sử dụng, thời gian xảy ra sự cố, nguyên nhân, thời gian khắc phục (thời gian bắt đầu, kết thúc),...

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 670 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ lò hơi số 1;
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ lò hơi số 2;
- Nguồn số 03: khí thải phát sinh từ lò hơi số 3;
- Nguồn số 04: khí thải phát sinh từ lò hơi số 4;
- Nguồn số 05: khí thải phát sinh từ lò hơi số 5.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải 01 (tương ứng nguồn số 01): Vị trí xả thải có tọa độ: X = 2458553; Y = 0473310;
- Dòng thải 02 (tương ứng nguồn số 02): Vị trí xả thải có tọa độ: X = 2458550; Y = 0473313;
- Dòng thải 03 (tương ứng nguồn số 03): Vị trí xả thải có tọa độ: X = 2458604; Y = 0473271;
- Dòng thải 04 (tương ứng nguồn số 04): Vị trí xả thải có tọa độ: X = 2458612; Y = 0473270;
- Dòng thải 05 (tương ứng nguồn số 05): Vị trí xả thải có tọa độ: X = 2458609; Y = 0473276;

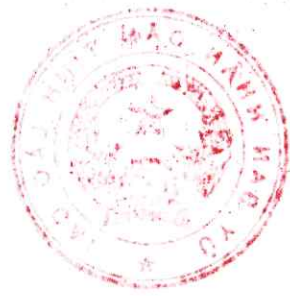
(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 150.000 m³/h

- Dòng thải 01: Lưu lượng lớn nhất 30.000m³/h;
- Dòng thải số 02: lưu lượng lớn nhất 30.000m³/h;
- Dòng thải số 03: lưu lượng lớn nhất 30.000m³/h;
- Dòng thải số 04: lưu lượng lớn nhất 30.000m³/h;
- Dòng thải số 05: lưu lượng lớn nhất 30.000m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng thải 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói (Φ600mm, H = 15m), xả liên tục 24/24 giờ.
- Dòng thải 02: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói (Φ600mm, H = 15m), xả liên tục 24/24 giờ.
- Dòng thải 03: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói (Φ600mm, H = 15m), xả liên tục 24/24 giờ.
- Dòng thải 04: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói



($\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$), xả liên tục 24/24 giờ.

Dòng thải 05: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói ($\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$), xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p = 0,8$, $K_v = 1$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
2	CO	mg/Nm ³	800
3	SO ₂	mg/Nm ³	400
4	NO _x	mg/Nm ³	680

- Tần suất quan trắc định kỳ/Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

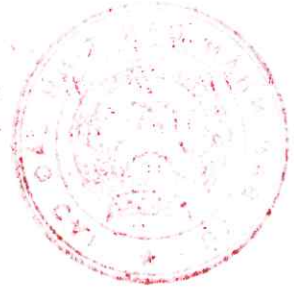
1.1. Mạng lưới thu gom khí thải

- Khí thải từ lò hơi số 1 được thu vào đường ống bằng thép (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, dài 2m; kết cấu làm bằng thép) dẫn vào thiết bị lắng bụi khô (Kích thước: $\Phi 1.520\text{mm} \times H3.300\text{mm}$; kết cấu làm bằng Inox SUS304) để lắng các hạt bụi kích thước lớn, khí thải sau thiết bị lắng bụi tới bể lắng bụi ướt (Kích thước $2,54\text{m} \times 2,51\text{m} \times 2\text{m}$; kết cấu bằng bê tông). Khí sau hệ thống xử lý thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$).

- Khí thải từ lò hơi số 2 được thu vào đường ống bằng thép (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, dài 2m; Kết cấu làm bằng thép) dẫn vào thiết bị lắng bụi khô (Kích thước: $\Phi 1.520\text{mm} \times H3.300\text{mm}$; kết cấu làm bằng Inox SUS304) để lắng các hạt bụi kích thước lớn, khí thải sau thiết bị lắng bụi tới bể lắng bụi ướt (Kích thước $2,54\text{m} \times 2,51\text{m} \times 2\text{m}$; kết cấu bằng bê tông). Khí sau hệ thống xử lý thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$).

- Khí thải từ lò hơi số 3 được thu vào đường ống bằng thép (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, dài 4m; kết cấu làm bằng thép) dẫn vào bể lắng bụi ướt (Kích thước $2,54\text{m} \times 2,51\text{m} \times 2\text{m}$; kết cấu bằng bê tông). Khí sau hệ thống xử lý thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$).

- Khí thải từ lò hơi số 4 được thu vào đường ống bằng thép (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, dài 4m; Kết cấu làm bằng thép) dẫn vào bể lắng bụi ướt (Kích thước $2,54\text{m} \times 2,51\text{m} \times 2\text{m}$; kết cấu bằng bê tông). Khí sau hệ thống xử lý thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$).



- Khí thải từ lò hơi số 5 được thu vào đường ống bằng thép (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, dài 4m; kết cấu làm bằng thép) dẫn vào bể lắng bụi ướt (Kích thước $2,54\text{m} \times 2,51\text{m} \times 2\text{m}$; kết cấu bằng bê tông). Khí sau hệ thống xử lý thoát ra ngoài môi trường thông qua ống khói (Kích thước: $\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Công trình xử lý khí thải lò hơi tại Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế Phó Ràng như sau:

- Tóm tắt quy trình xử lý:
 - + Khí thải lò hơi số 1,2 → Quạt hút → Thiết bị lắng bụi khô → Bể lắng bụi ướt → Ống thoát khí ($\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$) → Môi trường.
 - + Khí thải lò hơi số 3, 4 và 5 → Quạt hút → Bể lắng bụi ướt → Ống thoát khí ($\Phi 600\text{mm}$, $H = 15\text{m}$) → Môi trường.
- Công suất thiết kế: $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{hệ thống}$.
- Số lượng: 05 hệ thống.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra mực nước trong bể lắng bụi ướt, đảm bảo lượng nước trong bể không thấp hơn mức quy định.
- Định kỳ kiểm tra và tháo bụi từ thiết bị lắng bụi khô và bùn lắng từ bể lắng bụi ướt, bổ sung thêm nước nếu cần.
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quạt hút, đường ống dẫn khí.
- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải phải lập tức dừng sản xuất và tiến hành sửa chữa ngay để đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đưa vào sử dụng kịp thời.
- Trong quá trình vận hành hệ thống, cán bộ vận hành phải tuân thủ đúng quy định đã được hướng dẫn.

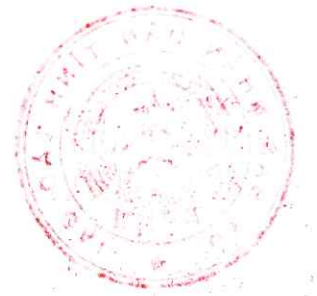
2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường được cấp.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí khu vực lò hơi số 1, số 2, số 3, số 4, số 5.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH MTV Triều Dương phải giám sát các chất ô nhiễm khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình



theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra ngoài môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ đầu tư tự quyết định việc quan trắc khí thải nhưng phải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

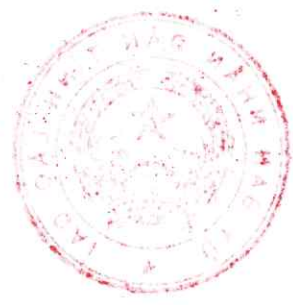
3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Trường hợp có thay đổi phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

3.3. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát: Giảm thiểu mùi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm: Khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kèm theo Giấy phép môi trường số: 670 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải sản xuất;
- Nguồn số 02: Máy nghiền cành lá, quế;
- Nguồn số 03: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 1;
- Nguồn số 04: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 2;
- Nguồn số 05: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 3;
- Nguồn số 06: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 4;
- Nguồn số 07: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 5;
- Nguồn số 08: Bơm chân không.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 2458583; Y = 0473185
- Nguồn số 02: X = 2458562; Y = 0473295
- Nguồn số 03: X = 2458553; Y = 0473310
- Nguồn số 04: X = 2458550; Y = 0473313
- Nguồn số 05: X = 2458604; Y = 0473271
- Nguồn số 06: X = 2458612; Y = 0473270
- Nguồn số 07: X = 2458609; Y = 0473276
- Nguồn số 08: X = 2458582; Y = 0473205

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104°45' múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

1.3.1. Tiếng ồn


Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

1.3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức gia tốc rung cho phép (dB)	Ghi chú
1	06 giờ - 21 giờ	75	Khu vực thông thường
	21 giờ - 06 giờ	Mức nền	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:





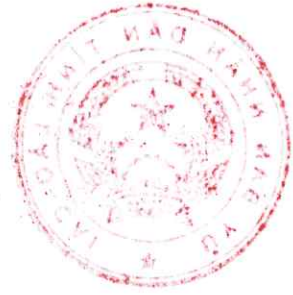
1. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; lắp đệm cao su và lò xo chống rung với các thiết bị công suất lớn...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung. Tiếng ồn, độ rung phát sinh phải được đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung đến môi trường và các nhà máy, cơ sở xung quanh khu vực; chủ động phối hợp với UBND huyện Bảo Yên, chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của dự án gây ra.



4



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **670** /GPMT-UBND ngày **02** tháng **4** năm
2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Chủng loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải bỏ	16 01 12	6
2	Các loại dầu mỡ thải	17 02 03	25
3	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	2
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất	12 06 05	2.000
Tổng			2.033

1.2.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3
2	Chất thải công nghiệp thông thường (tro thải lò đốt)	60
4	Bùn từ bể tự hoại	2,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Trong giai đoạn thi công

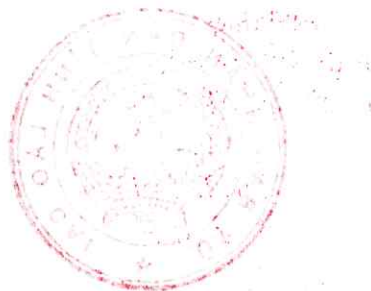
2.1.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa chất thải nguy hại loại 10 - 30 lít dạng nhựa chuyên dùng, chống ăn mòn, có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 8 m².

- Kết cấu khu lưu chứa CTNH bằng tôn, có mái che, lắp biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng;



có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.



2.1.2. Đối với chất thải rắn xây dựng và đất thải từ quá trình thi công

Thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp nếu phát sinh đồ thải yêu cầu thực hiện đồ thải theo đúng quy định, đúng địa điểm đã được thông báo giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền.

2.1.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa có dung tích 80 lít/thùng, đặt tại văn phòng, kho, xưởng sản xuất, thuận tiện cho việc thu gom, phân loại rác thải tại nguồn.

- Chất thải rắn sinh hoạt được cán bộ nhà máy thu gom hàng ngày và chuyển ra khu tập kết rác sinh hoạt của tổ 9, thị trấn Phố Ràng.

2.2.3. Chất thải từ hoạt động sản xuất:

Tro thải được thu gom, tập kết tại khu lưu trữ có diện tích 20m² nằm dưới nhà xưởng của Nhà máy, chuyển giao cho nhân dân địa phương làm chất độn bón lót cho đất. Thực hiện việc quản lý theo đúng quy định pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **670** /GPMT-UBND ngày **02** tháng **4** năm 2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ (01 năm) chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của các cơ sở, nhà máy khu vực xung quanh dự án và khu dân cư gần dự án.

5. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

